

UBND QUẬN KIẾN AN
TRƯỜNG MẦM NON VĂN ĐẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~26~~BC-MNVD

Văn Đẩu, ngày 26 tháng 09 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2023-2024
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO
CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường Mầm non Văn Đẩu đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm Non Văn Đẩu

2. Thông tin:

- điểm trường 1: Số 02 Trần Phương, Phường Văn Đẩu, Quận Kiến An, TP.Hải Phòng
- điểm trường 2: 15/26 tổ Trần Phú, Phường Văn Đẩu, Quận Kiến An, TP.Hải Phòng
- Số điện thoại: 0904.746.683
- Địa chỉ thư điện tử: mamnonvandau@gmail.com
- Công thông tin điện tử: <https://mnvandau.haiphong.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: thuộc cơ sở giáo dục công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, tích cực, có nền nếp, kỷ cương, đạt chất lượng giáo dục cao để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng của mình, thích ứng nhanh trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống.

Tầm nhìn trở thành một hệ thống trường giáo dục có chất lượng cao, đào tạo những lớp học sinh khoẻ về thể chất, mạnh mẽ về trí lực. Trường luôn hướng tới nền văn hoá giáo dục hiện đại, với những cách thức giao tiếp, truyền đạt mới mẻ giúp học sinh phát huy hết những năng lực tiềm ẩn của chính mình để trở thành ngôi trường tiên phong cho việc nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục Quốc gia Việt Nam. Duy trì và phấn đấu trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ II.

Mục tiêu của nhà trường

- Huy động toàn bộ đội ngũ CB-GV-NV nhà trường tiếp tục thực hiện có

hiệu quả hơn cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức - tự học – sáng tạo”; Tạo các mối quan hệ đúng đắn trong nhà trường; chăm sóc giáo dục học sinh rèn luyện đạo đức, lối sống; chấp hành tốt Pháp luật – kỷ cương - nề nếp, văn hóa nhà trường, ngoài xã hội và trong gia đình.

- Tiếp tục duy trì trường đạt chuẩn quốc gia.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Mầm non Văn Đầu - quận Kiến An - thành phố Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 290/QĐ-UB ngày 13 tháng 3 năm 2023 của UBND quận Kiến An trên cơ sở sáp nhập 2 trường Mầm non Hoa Hồng và trường Mầm non 8/3. Điểm trường 1 có địa chỉ tại số 2 đường Trần Phương - Đẩu Sơn 2 và điểm trường 2 có địa chỉ tại 15/26 - Trần Nhân Tông -Trần Phú. Ngay sau khi thành lập, cán bộ quản lý cùng tập thể sư phạm nhà trường luôn luôn đoàn kết; không ngừng nỗ lực phấn đấu thi đua dạy tốt, học tốt và đã đạt được những thành tích bước đầu trong sự nghiệp giáo dục Quận Kiến An; xứng đáng với niềm tin của nhân dân, sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương.

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ. 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn trong đó trên chuẩn 24/31 giáo viên, đạt 77,41%. Hàng năm, nhà trường có nhiều giáo viên tham gia Hội thi giáo viên giỏi các cấp, có nhiều cán bộ, giáo viên được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Quy mô giáo dục luôn được phát triển cả về số lượng học sinh và chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục toàn diện. Số cán bộ, giáo viên, nhân viên hiện nay là 45 đ/c, trong đó biên chế 34 đ/c, hợp đồng trường là 11 đ/c. Trường có Chi bộ đảng với số Đảng viên là 27 đ/c trên tổng số 34 biên chế đạt 79,4%.

Trong những năm qua, nhà trường đã triển khai thực hiện có có hiệu quả các nhiệm vụ giáo dục của ngành học, nhiều năm trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, đồng chí Hiệu trưởng được đón nhận Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

- Họ và tên bà: Bùi Thị Thoa chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Số 02 Trần Phương, Phường Văn Đầu, Q.Kiến An, Hải Phòng.
- Số điện thoại: 0904.746.683

7. Tổ chức bộ máy:

- Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 13/03/2023 về việc sáp nhập trường Mầm non Hoa Hồng và trường Mầm non 8/3 thành trường Mầm non Văn Đầu.

- Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng số 381/QĐ-UBND ngày 22/03/2023 về việc điều động và bổ nhiệm hiệu trưởng trường Mầm non Văn Đầu.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 45

- Cán bộ quản lý: 03, bao gồm Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.
- Giáo viên biên chế: 30
- Giáo viên hợp đồng: 01
- Nhân viên biên chế: 01
- Nhân viên hợp đồng: 10

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

Năm học	Tổng số	CẤP MẦM NON				
		Trình độ Th.s	Trình độ ĐH	Trình độ CĐ	GV MN hạng II	GV MN hạng III
CBQL	3	1	2	0	2	1
GV	30		23	7	0	30
NV	1		1	0		
Cộng	34	01	26	7	2	31

2. Đánh giá giáo viên, nhân viên

a) Đối với cán bộ quản lý: 3/3 được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Đối với giáo viên: 4/30 được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 26/30 được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

c) Đối với nhân viên: 9/9 được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ

QUẢN
TRƯ
MẦM
VĂN
ĐẦU

(không tính bảo vệ)

3. Công tác bồi dưỡng thường xuyên:

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hoàn thành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên và các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ do cơ quan thẩm quyền tổ chức.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Trường mầm non Văn Đầu có 2 điểm trường, điểm trường 1 đặt tại số 02 đường Trần Phương - Đầu Sơn 2 - Văn Đầu - quận Kiến An - thành phố Hải Phòng với tổng diện tích sử dụng là 5.615,95 m² và điểm trường 2 đặt tại địa chỉ số 15/26 Trần Phú - Văn Đầu - Kiến An - Hải Phòng với tổng diện tích mặt bằng là 626.8 m² với sĩ số trẻ năm học 2023-2024 là 440 cháu đạt 14,1 m²/1 trẻ.

2. Toàn trường có 38 phòng được khai thác sử dụng làm phòng học và các phòng chức năng. Cụ thể như sau:

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	BÌNH QUÂN Số m ² /trẻ em
I	Tổng số phòng	38	-
II	Loại phòng học	21	
1	Phòng học kiên cố	21	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm/học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	02	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	6245 m ²	14,1m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	3000 m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ	70 m ² /lớp	1.8m ² /trẻ
2	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	10 m ² /lớp	
3	Diện tích hiên chơi (m ²)	15 m ² /lớp	0,5m ² /trẻ
4	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	90 m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	90m ²	

6	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	180 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Đủ số lượng	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	Đủ số lượng	30-35 bộ nhóm/lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	Đảm bảo số lượng theo QĐ	10 bộ/khu sân chơi
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	- Máy tính : 20 - Đàn Organ : 04 - Máy photo : 01	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Tủ lạnh	03 cái	
2	Điều hoà	25 cái	
3	Quạt điện (các loại)	100 cái	
4	Bàn học sinh	150 cái	
5	Ghế học sinh	500 cái	
6	Bàn ghế làm việc của các phòng ban	05 bộ	

3. Số thiết bị dạy học tối thiểu đã được đầu tư cấp mới tương đối đầy đủ theo thông tư 02 của chương trình giáo dục mầm non.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở: Trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và đạt Trường mầm non chuẩn quốc gia Mức độ 2.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm.

Trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và đạt Trường mầm non chuẩn quốc gia Mức độ 2.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em của năm học trước

KIẾ
ỜNG
1 NO
↓ ĐẢ
*

Stt	Nội dung	Năm học 2023-2024
1	Tổng số lớp	15
2	Tổng số trẻ	440
3	Số trẻ bình quân/nhóm (lớp) nhà trẻ	25 trẻ/lớp
	Số trẻ bình quân/nhóm (lớp) MG 3 -4 tuổi	25 trẻ/lớp
	Số trẻ bình quân/nhóm (lớp) MG 4-5 tuổi	28 trẻ/lớp
	Số trẻ bình quân/nhóm (lớp) MG 5-6 tuổi	35 trẻ/lớp
4	Số trẻ học 02 ngày/ buổi	440
5	Số trẻ được tổ chức học ăn bán trú	440
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	440
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi	185
8	Số trẻ khuyết tật	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Báo cáo quyết toán kinh phí năm 2023

Stt	Nội dung	Thu năm 2023			Chi năm 2023	
		Trong đó		Tổng	Tổng	Trong đó: số nộp thuế
		Số dư năm 2022 mang sang	Dự toán cấp trong năm 2023			
A	A	1	3	6=1+2+3-4+5	7	7a
A	NGÂN SÁCH:					
I	Thường xuyên:		5,626,982,665	5,626,982,665	5,626,982,665	
II	Không thường xuyên:		4,521,266,465	4,521,266,465	4,521,266,465	
			1,105,716,200	1,105,716,200	1,105,716,200	

1	KP miễn, giảm học phí (NĐ 81)		4,466,000	4,466,000	4,466,000	
2	KP hỗ trợ học phí (NQ 54)		569,090,200	569,090,200	569,090,200	
3	KP tiền ăn (NĐ 105)		4,960,000	4,960,000	4,960,000	
4	KP xây dựng		500,000,000	500,000,000	500,000,000	
5	KP gia hạn phần mềm kế toán + nâng cấp		13,200,000	13,200,000	13,200,000	
6	KP gia hạn phần mềm QLTS		6,000,000	6,000,000	6,000,000	
7	KP gia hạn phần mềm QLCB.VN		6,000,000	6,000,000	6,000,000	
8	KP phần mềm QL các khoản thu		2,000,000	2,000,000	2,000,000	
B	SẢN XUẤT KD, DV	502,268,379	4,471,843,400	4,974,111,779	4,429,544,528	62,239,920
I	HỌC PHÍ:	167,867,306	573,556,200	741,423,506	741,423,506	
1	Học phí (NQ 54):	167,258,306	569,090,200	736,348,506	736,348,506	
2	Học phí (NĐ 81)	609,000	4,466,000	5,075,000	5,075,000	
II	CÁC KHOẢN THU THEO NGHỊ QUYẾT 02:	334,401,073	3,898,287,200	4,232,688,273	3,688,121,022	62,175,600
1	Quản lý trẻ thứ 7	36,674,169	257,750,000	294,424,169	241,695,500	8,557,000
2	Học thêm hè	0	605,600,000	605,600,000	605,600,000	12,112,000
3	Quản lý trẻ ngoài giờ	84,901,280	773,029,000	857,930,280	718,938,280	26,607,280
4	Hỗ trợ cô nuôi	44,237,074	405,000,000	449,237,074	387,137,074	14,835,000
5	Mua sắm TTB& DBT	0	104,400,000	104,400,000	103,596,485	
6	Ăn bán trú	168,588,550	1,704,028,200	1,872,616,750	1,615,704,163	
7	Tiếng Anh có yếu tố nước ngoài:	0	48,480,000	48,480,000	15,449,520	64,320
D	THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	349,884	189,776	539,660	186,930	
1	Lãi, phí tiền gửi kho bạc	349,884	189,776	539,660	186,930	

PH. TP. HAI PH. H. N. 2018

